TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:54/2024/HNGĐ-ST Ngày: 28-5-2024 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hồng Châu
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Tài Thái V, sinh năm 1993; địa chỉ: E ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: 5 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh năm 1996; địa chỉ: 1 T, phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 5 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Tài Thái V trình bày:

Ông Lê Tài Thái V và bà Nguyễn Ngọc Bảo T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, cấp ngày 13/5/2014.

Sau khi kết hôn ông V, bà T sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, sự bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp,

hai vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông V, bà T đã ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay ông V xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông V yêu cầu Tòa án giải quyết để ông được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Bảo T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 30/11/2011 và Lê Hoàng Anh K, sinh ngày 11/12/2018. Khi ly hôn, ông Lê Tài Thái V đồng ý giao 02 con cho bà Nguyễn Ngọc Bảo T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tài Thái V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2024 bị đơn bà Nguyễn Ngọc Bảo T trình bày: Bà và ông Lê Tài Thái V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 cha mẹ chồng có mua 01 xe ô tô để ông V chạy dịch vụ thì ông V bắt đầu thay đổi tính tình, bỏ nhà đi và thường xuyên không về nhà. Từ tháng 11/2023 đến nay ông V sống riêng cùng người phụ nữ khác. Hiện tại bà T đang sống cùng cha mẹ chồng và nuôi 02 con chung. Bà T không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, không muốn gia đình bị chia cắt. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn;

Về con chung đồng ý giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Bảo T đã được Tòa án tống đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn tại nơi cư trú, địa phương và tại trụ sở Tòa án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Ngọc Bảo T đều vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông V và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Nay ông V có đơn xin ly hôn với bà T và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Bảo T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Ông Lê Tài Thái V và bà Nguyễn Ngọc Bảo T là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 38, cấp ngày 13/5/2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông V cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau, không còn ai quan tâm đến ai. Vợ chồng ly thân cách đây 02 năm, ông V không còn chung sống cùng bà T và gia đình mà bỏ nhà thuê trọ ở riêng. Bà T không đồng ý ly hôn, bà cho rằng bản thân còn thương chồng, thương con. Xét, hôn nhân phải dựa trên cơ sở vợ chồng phải yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Bà T cho rằng còn thương chồng, nhưng ông V xác định không còn thương yêu bà T, theo như lời trình bày của bà T, bà xác định ông V bỏ nhà đi và thường xuyên không về nhà. Từ thời điểm nộp đơn đến nay, bà T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo biên bản xác minh địa phương thì ông V bà T không còn sống chung, hiện ông V đã thuê trọ ở đâu thì địa phương không rõ. Như vậy, trên thực tế ông V bà T đã không còn chung sống, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông V và bà T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn bà T là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 30/11/2011 và Lê Hoàng Anh K, sinh ngày 11/12/2018. Khi ly hôn, ông Lê Tài Thái V đồng ý giao 02 con cho bà Nguyễn Ngọc Bảo T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại bản tự khai, bà T xác định bà đang sống cùng cha mẹ chồng và đang chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời trường hợp Tòa án cho ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung. Xét, hiện 02 con chung đang sống cùng mẹ là bà T và ông V đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao con Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 30/11/2011 và Lê Hoàng Anh K cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa ông Lê Tài Thái V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con, tổng 02 con là 4.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tài T1 Vĩnh phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tài Thái V về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc Bảo T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tài Thái V được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Bảo T.

Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 30/11/2011 và Lê Hoàng Anh K, sinh ngày 11/12/2018 cho bà Nguyễn Ngọc Bảo T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Không ai được quyền cản trở ông Lê Tài Thái V trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tài Thái V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con. Tổng cộng 02 con mỗi tháng là 4.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2024 đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Lê Tài Thái V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004602 ngày

19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An. Ông Lê Tài Thái V còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thuận An;
- CC THADS TP. Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phú Đông, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo